

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 31/BM/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355; Fax: 0243.7191466

Email: banhkeobaominh@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0101966872.

Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh đã được cấp giấy:

1. Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018
2. Chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KẸO DÒI LẠC

2. Thành phần: Lạc nhân (55 %), đường kính, mạch nha, nước sạch, hương liệu tổng hợp (hương vani).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường.

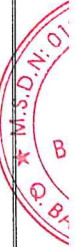
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng màng OPP/ CPP và bao bì túi PA/SCPP đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 5 g/gói, 6 g/gói, 7 g/gói, 8 g/gói, 9 g/gói, 10 g/gói, 15 g/gói, 20 g/gói, 25 g/gói, 30 g/gói, 35 g/gói, 40 g/gói, 46 g/gói, 48 g/gói, 50 g/gói, 52 g/gói, 54 g/gói, 56 g/gói, 60 g/gói, 70 g/gói, 80 g/gói, 90 g/gói, 95 g/gói, 100 g/gói, 110 g/gói, 115 g/gói, 120 g/gói, 125 g/gói, 130 g/gói, 135 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 160 g/ gói, 170 g/gói, 175 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 192 g/gói, 200 g/gói, 210 g/gói, 220 g/gói, 230 g/gói, 240 g/gói, 250 g/gói, 260 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 290 g/gói, 300 g/gói, 320 g/gói, 330 g/gói, 350 g/gói, 400 g/gói, 450 g/gói, 500 g/gói, 540 g/gói, 550 g/gói, 560 g/gói, 600 g/gói, 630 g/gói, 640 g/gói, 650 g/gói, 680 g/gói, 700 g/gói, 720 g/gói, 750 g/gói, 780 g/gói, 800 g/gói, 850 g/gói, 900 g/gói, 950 g/gói, 1 kg/gói, 1,2 kg/gói, 1,3 kg/gói, 1,4 kg/gói, 1,5 kg/gói, 1,6 kg/gói, 1,8 kg/gói, 2 kg/gói.

Hoặc đóng gói theo nhu cầu kinh doanh của đơn vị.



III. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến:

Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Số 12 Hàng Than – Q. Ba Đình – TP. Hà Nội.

Hotline: 1900636443

ISO 22000 : 2018

Website: www.banhbaominh.com

Sản xuất tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH (A)

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH - CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)

Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.

KẸO DÔI LẠC

Thành phần: Lạc nhân (55 %), đường kính, mạch nha, nước sạch, hương liệu tổng hợp (hương vani).

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	456.2	kcal	-
Chất đạm (Protein)	12.0	g	-
Carbohydrate	69.0	g	23 %
Đường tổng số (Total Sugars)	43.9	g	-
Chất béo (Fat)	14.6	g	26 %
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	3.2	g	16 %
Natri (Sodium)	26.7	mg	1 %

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.

Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh: In trên bao bì.

Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Sản phẩm có chứa đậu phộng.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- * Sản phẩm chín ăn liền.
- * Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất theo TCCS 31:2022/BM. Bản tự công bố số: 31/BM/2022

Xuất xứ: Việt Nam.

M
=



Mã số/ Code: DV231031.01/01.2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : KẸO DỒI LẠC
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, bao gói kín, NSX: 10/10/2023, HSD: 10/04/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 31/10/2023
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 31/10/2023-07/11/2023
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 07/11/2023

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có dạng thuôn, còn nguyên vẹn, không bị biến dạng. Vỏ có màu trắng, cứng, giòn; bên trong là nhân lạc. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi, vị lạ.	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
2	Trị số axit	mgKOH/g	0,46	Ref. TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
3	Trị số Peroxit	meq/Kg	KPH (LOD = 0,1)	Ref. TCVN 6121:2018	TCCS/ GMP ⁽¹⁾

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231031.01/01.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
4	Độ ẩm*	%	2,73	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
5	Đường khử	%	16,16	TCVN 4075:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
6	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric 10 %	%	0,01	TCVN 4071:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
7	Chất đạm (Protein)	%	9,43	Ref. TCVN 8134:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
8	Carbohydrate	%	66,89	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
9	Đường tổng số (Total Sugars)	%	56,39	TCVN 4074:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
10	Chất béo (Fat)*	%	18,01	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
11	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 ⁽²⁾
12	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 ⁽²⁾
13	Ochratoxin A*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 ⁽²⁾
14	Deoxynivalenol*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	750 ⁽²⁾
15	Zearalenone*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	70 ⁽²⁾
16	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,1 ⁽³⁾
17	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 ⁽³⁾
18	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 ⁽⁴⁾
19	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
20	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	2,2 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015	10 ⁴⁽⁴⁾
21	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 ²⁽⁴⁾
22	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 ⁽⁴⁾

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231031.01/01.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
23	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 ⁽⁴⁾
24	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 ⁽⁴⁾
25	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 ⁽⁴⁾
26	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 ⁽⁴⁾

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty công ty Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (3): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (4): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm



PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
 2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
 4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
 5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
 6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231031.01/01.1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : KẸO DỒI LẠC
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, bao gói kín, NSX: 10/10/2023, HSD: 10/04/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 31/10/2023
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 31/10/2023-07/11/2023
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 07/11/2023

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	Kcal/100g	467,37	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (Protein)	%	9,43	Ref. TCVN 8134:2009
3	Carbohydrate	%	66,89	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	56,39	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)*	%	18,01	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	3,52	AOAC 996.06

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231031.01/01.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Na)	mg/100g	45,68	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

Ghi chú/ Note:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR

Ths. TRỊNH CÔNG SƠN

VIỆ
 M NG
 KIỂM
 ẮT LI
 NTE
 ★

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	467.3	Kcal	23%
Chất đạm (Protein)	9.4	g	19%
<i>Carbohydrate</i>	66.8	g	22%
Đường tổng số (Total Sugars)	56.3	g	113%
Chất béo (Fat)	18.0	g	32%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	3.5	g	18%
Natri (Sodium)	45.6	mg	2%

* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.




- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

* Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo :

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP nghị định về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 05/2019/TT-BKHHCN thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm : QCVN 8-1:2011/BYT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm : QCVN 8-2:2011/BYT.
- Tiêu chuẩn áp dụng cho các loại kẹo cứng có nhân, kẹo mềm và kẹo dẻo : TCVN 5908 : 2009.

* Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. 

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN 

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Linh



Mã số/ Code: DV221104.10/02.1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : KẸO DỒI LẠC
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : 220g; Mẫu nguyên thành phẩm, NSX: 28/10/2022; HSD: 28/04/2023
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 04/11/2022
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 10 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 04/11/2022-12/11/2022
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 12/11/2022

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có dạng thun, nguyên vẹn, không bị biến dạng. Vỏ có màu trắng, cứng, giòn; bên trong là nhân lạc. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm.	Cảm quan	TCCS/GMP ⁽¹⁾
2	Chất đạm (Protein)	%	12,01	Ref.TCVN 8134:2009	TCCS/GMP ⁽¹⁾
3	Carbohydrate	%	69,02	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/GMP ⁽¹⁾

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractor (**).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
 VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
 Điện thoại: 024.66.86.76.38 – Email: info@vntest.vn – Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV221104.10/02.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	43,92	TCVN 4074:2009	TCCS/GMP ⁽¹⁾
5	Chất béo (Fat)	%	14,68	TCVN 4072:2009	TCCS/GMP ⁽¹⁾
6	Trị số axit	mg/g	0,42	Ref.TCVN 6127:2010	TCCS/GMP ⁽¹⁾
7	Trị số Peroxit	meq/kg	KPH (LOD = 0,1)	Ref.TCVN 6121:2018	TCCS/GMP ⁽¹⁾
8	Ẩm*	%	3,18	TCVN 4069:2009	TCCS/GMP ⁽¹⁾
9	Đường khử	%	14,83	TCVN 4075:2009	TCCS/GMP ⁽¹⁾
10	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric 10 %	%	0,06	TCVN 4071:2009	TCCS/GMP ⁽¹⁾
11	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 ⁽²⁾
12	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 ⁽²⁾
13	Ochratoxin A*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 ⁽²⁾
14	Deoxynivalenol*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	750 ⁽²⁾
15	Zearalenone*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181(2021)	70 ⁽²⁾
16	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,2 ⁽³⁾
17	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 ⁽³⁾
18	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
19	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	1,1 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015	10 ⁴ ⁽³⁾
20	Tổng số nấm men nấm mốc*	CFU/g	4 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010	10 ² ⁽³⁾
21	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 ⁽³⁾

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractor (**).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.66.86.76.38 – Email: info@vntest.vn – Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV221104.10/02.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
22	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 ⁽³⁾
23	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 ⁽³⁾
24	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 ⁽³⁾
25	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 ⁽³⁾

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (3): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractor (**).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



Mã số/ Code: DV221104.10/02.2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy
Address Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ : KẸO DỒI LẠC
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : 220g; Mẫu nguyên thành phẩm, NSX: 28/10/2022; HSD: 28/04/2023
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 04/11/2022
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Lưu mẫu 10 ngày
Sample retention time sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ : 04/11/2022-12/11/2022
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 12/11/2022
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	456,24	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (Protein)	%	12,01	Ref.TCVN 8134:2009
3	Carbohydrate	%	69,02	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	43,92	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)	%	14,68	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	3,26	VNT.H.03.Fo.282 (Ref. AOAC 996.06)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractor (**).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.66.86.76.38 – Email: info@vntest.vn – Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV221104.10/02.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Sodium)	mg/100g	26,7	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition Facts	-	Xem bảng đính kèm	-

Ghi chú/ Note:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



TRẦN TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractor (**).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	456.2	kcal	-
Chất đạm (Protein)	12.0	g	-
Carbohydrate	69.0	g	23%
Đường tổng số (Total Sugars)	43.9	g	-
Chất béo (Fat)	14.6	g	26%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	3.2	g	16%
Natri (Sodium)	26.7	mg	1%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractor (**).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



Mã số/ Code: DV241122.07/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Kẹo Dồi Lạc
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu bao gói kín, NSX: 11/11/2024, HSD: 11/05/2025
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 22/11/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 22/11/2024-29/11/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 29/11/2024

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có dạng tròn, nguyên vẹn, không bị biến dạng. Vỏ có màu trắng, cứng, giòn; bên trong là nhân lạc. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm.	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
2	Trị số axit	mgKOH/g	0,18	Ref. TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
3	Hàm lượng đường khử	g/100g	17,48	TCVN 4075: 2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
4	Hàm lượng tro không tan trong axit HCl 10%	g/100g	0,04	TCVN 4071:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241122.07/03

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
5	Đường tổng số	g/100g	46,45	TCVN 4074: 2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
6	Chất đạm	g/100g	10,15	Ref. TCVN 8125:2015	TCCS/ GMP
7	Carbohydrate	g/100g	68,98	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
8	Chất béo*	g/100g	16,99	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
9	Hàm lượng ẩm*	g/100g	2,77	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
10	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 ⁽²⁾
11	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 ⁽²⁾
12	Ochratoxin A (OTA)*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 ⁽²⁾
13	Deoxynivalenol (DON)*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	750 ⁽²⁾
14	Zearalenone (ZEN)*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	70 ⁽²⁾
15	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,2 ⁽³⁾
16	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 ⁽³⁾
17	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 ⁽⁴⁾
18	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
19	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	8,9 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015	10 ⁴⁽⁴⁾
20	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 ²⁽⁴⁾
21	Colifoms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 ⁽⁴⁾
22	<i>Escherichia coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 ⁽⁴⁾
23	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 ⁽⁴⁾

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241122.07/03

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
24	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 ⁽⁴⁾
25	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 ⁽⁴⁾

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (3): QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (4): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR



Thị TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241122.07/04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Kẹo Dồi Lạc
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu bao gói kín, NSX: 11/11/2024, HSD: 11/05/2025
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 22/11/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 22/11/2024-29/11/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 29/11/2024

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	469,43	VNT.H.03.Fo.277
2	Chất đạm	g/100g	10,15	Ref. TCVN 8125:2015
3	Carbohydrate	g/100g	68,98	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số	g/100g	46,45	TCVN 4074: 2009
5	Chất béo *	g/100g	16,99	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà	g/100g	2,11	AOAC 996.06

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241122.07/04

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Na)	mg/100g	69,7	TCVN 10916:2015
8	Bảng Nutrition fact	-	Xem bảng đính kèm	-

Ghi chú/ Note:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*). Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241122.07/04

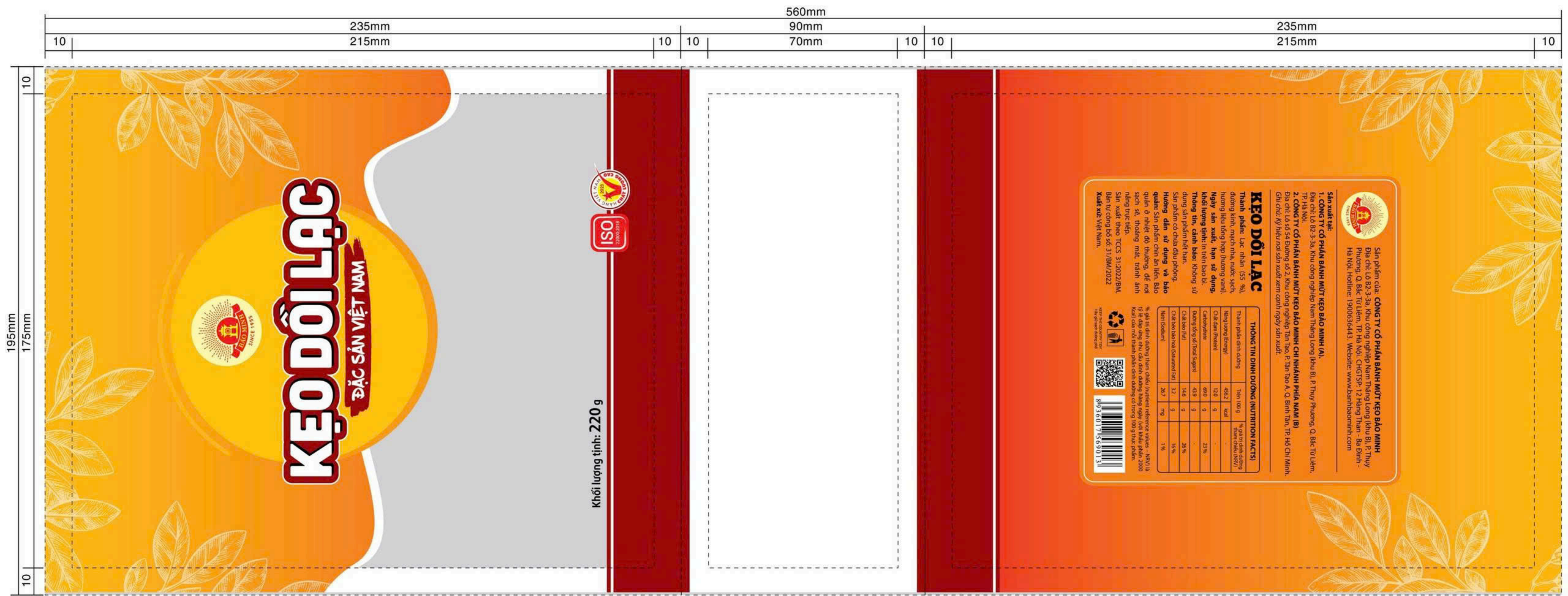
BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	469.4	Kcal	23%
Chất đạm (Protein)	10.1	g	20%
Carbohydrate	68.9	g	21%
Đường tổng số (Total Sugars)	46.4	g	-
Chất béo (Fat)	16.9	g	30%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	2.1	g	11%
Natri (Sodium)	69.7	mg	3%

* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KẸO BẢO MINH**
 Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, Phường, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. CHGTSP- 12 Hàng Than - Ba Đình - Hà Nội. Hotline: 1900636443. Website: www.banhbuminh.com

Sản xuất tại:
1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KẸO BẢO MINH (A).
 Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KẸO BẢO MINH CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)
 Địa chỉ: Lô S4 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
 Ghi chú: Kỳ hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.

KẸO DỒI LẠC

Thành phần: Lạc nhân (55 %), đường kính, mạch nha, nước sạch, hương liệu tổng hợp (hương vani).

Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh: In trên bao bì.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Sản phẩm có chứa đậu phộng.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Sản phẩm chín ăn liền. Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất theo TCCS 31:2022/BM.

Bản tư công bố số 31/BM/2022

Xuất xứ Việt Nam.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Tính 100 g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NVI)
Năng lượng (Energy)	456,2 kcal	
Chất đạm (Protein)	12,0 g	23 %
Carbohydrate	69,0 g	
Đường tổng số (Total Sugars)	43,9 g	
Chất béo (Fat)	14,6 g	26 %
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	3,2 g	16 %
Natri (Sodium)	26,7 mg	1 %

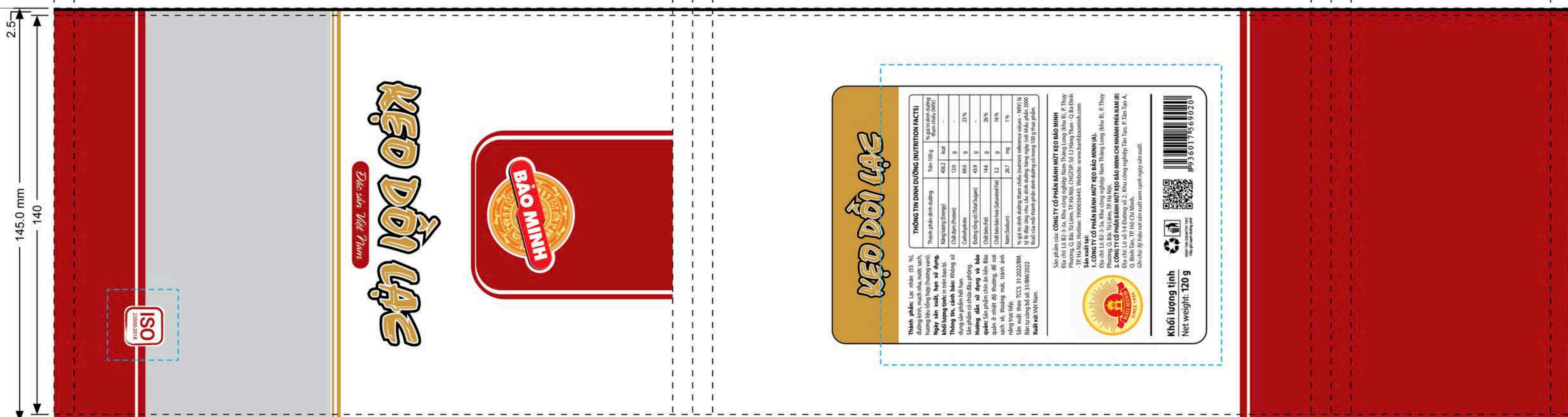
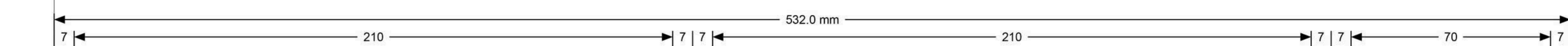
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng cơ trong 100 g thực phẩm.



Khối lượng tịnh: 220 g

	TÊN SẢN PHẨM		XY-HN 48869	Ngang: 560 mm Chu vi: 195 mm	Kích thước Emark	VẬT LIỆU IN	CHỮ KÝ KHÁCH HÀNG
	Số màu		NV. thiết kế Dung	10/05/2023 (số lần sữa)	PHƯƠNG THỨC IN <input type="checkbox"/> Trong <input type="checkbox"/> Ngoài	trans (Màu màng)	
05	K	Záo	Zlog	Zvg	W		

Chú ý: Trước khi ký xác nhận xin vui lòng kiểm tra cẩn thận tất cả các chi tiết (màu sắc, bố cục, nội dung, kích thước, mã vạch...)
Vi bất kỳ lỗi, nội dung không chính xác sau khi sản xuất chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm
 Lưu ý: Phần ngày tháng thể hiện ngày sửa cuối cùng, số lần chỉnh sửa mẫu



X104731 **K** **Zvang** **Znen** **Zdo** **Zy** **W** HANG: 2019-1-5

Việt sữa

	TÊN SẢN PHẨM		XY-MB 71273	Khung line nét đứt màu... ko khác	VẬT LIỆU IN	CHỮ KÝ KHÁCH HÀNG
	NV. thiết kế Dung		14/02/2025 (số lần sửa)	PHƯƠNG THỨC IN <input type="checkbox"/> Trong <input type="checkbox"/> Ngoài		
SỐ MÀU 03	K	Zvang	Znen	Zdo	Zy	W
						trans (Màu màng)

LƯU Ý

XIN QUÝ KHÁCH VUI LÒNG KIỂM TRA LẠI TOÀN BỘ:
 "KÍCH THƯỚC, KIỂU ĐÓNG GÓI, NỘI DUNG THÔNG TIN, CHÍNH TẢ, MÀU SẮC, BỐ CỤC" CỦA MẪU
SAU KHI KÝ DUYỆT · XÁC NHẬN, CÁC VẤN ĐỀ SAI SÓT CHÚNG TÔI HOÀN TOÀN KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM!

Thành phần: Lạc nhân (55 %), đường kính, mạch nha, nước sạch, hương liệu tổng hợp (hương vani).
Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh: in trên bao bì.
Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.
Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Sản phẩm chín ăn liền. Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
 Sản xuất theo TCS 31:2022/BM. Bản tự công bố số: 31/BM/2022. Xuất xứ: Việt Nam.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	456.2 kcal	-
Chất đạm (Protein)	12.0 g	-
Carbohydrate	69.0 g	23 %
Đường tổng số (Total Sugars)	43.9 g	-
Chất béo (Fat)	14.6 g	26 %
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	3.2 g	16 %
Natri (Sodium)	26.7 mg	1 %

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của một thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.



Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KẸO BẢO MINH**
 Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, CHGTSP-56 12 Hàng Xanh - Q. Ba Đình - TP Hà Nội. Hotline: 1900636443. Website: www.banhbaominh.com

Sản xuất tại:
1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KẸO BẢO MINH (A).
 Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KẸO BẢO MINH-CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)
 Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.
 Ghi chú: *Vị hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.*

Khối lượng tịnh
 Net weight: 120 g



Tôi Đã Ký Và Hoàn Toàn Chịu Trách Nhiệm Về Nội Dung Kích Thước, Màu Sắc, Cấu Hình Của Sản Phẩm Này